

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

Số: 07/2019/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Giang, ngày 11 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Quy định cơ chế, chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Xét Tờ trình số 145/TTr-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định cơ chế, chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019-2025.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XVIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 11/7/2019 và có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2019 đến hết ngày 31/12/2025./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Hải

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quy định cơ chế, chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019-2025

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND
ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh Bắc Giang)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng và nguyên tắc áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này Quy định cơ chế, chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019-2025, bao gồm: hỗ trợ lãi suất vay thương mại; hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp; hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (dê, ngựa, trâu) tập trung; hỗ trợ trồng hoa, rau; hỗ trợ trồng cây dược liệu; hỗ trợ đầu tư cơ sở bảo quản nông sản; hỗ trợ cơ sở chế biến nông sản và cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư.

b) Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

2. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Giang theo Luật Doanh nghiệp (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 1, Điều 23 Luật Đầu tư và doanh nghiệp nhà nước) được hỗ trợ theo quy định từ Điều 2 đến Điều 8 và điểm b, khoản 1, Điều 9 Nghị quyết này.

b) UBND xã, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã); thôn, bản, tổ dân phố (sau đây gọi chung là cấp thôn); hộ gia đình, cá nhân cho doanh nghiệp thuê lại đất, mặt nước được hỗ trợ theo quy định tại điểm a, c, khoản 1, Điều 9 Nghị quyết này.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này.

3. Nguyên tắc áp dụng

a) Đối với nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau của Trung ương và của tỉnh thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

b) Dự án được hỗ trợ phải nằm trong danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được UBND tỉnh phê duyệt theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 16 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

c) Đối với hỗ trợ cơ sở bảo quản nông sản quy định tại Điều 7 Nghị quyết này nếu các cơ sở đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 11 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP thì được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

d) Đối với hỗ trợ cơ sở chế biến nông sản quy định tại Điều 8 Nghị quyết này nếu các cơ sở đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 11 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP thì được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

đ) Các nguyên tắc khác theo Điều 4 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 2. Hỗ trợ lãi suất vay thương mại

Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP được hỗ trợ lãi suất vay thương mại như sau:

1. Mức lãi suất hỗ trợ: bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ nhưng không quá 03%/năm.

2. Thời gian hỗ trợ lãi suất của khoản vay và mức hỗ trợ

a) Đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư; dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập theo quy định tại khoản 8, Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP: thời gian hỗ trợ lãi suất của khoản vay tối đa là 08 năm tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, nhưng không quá 02 tỷ đồng.

b) Đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư: thời gian hỗ trợ lãi suất của khoản vay tối đa là 06 năm tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, nhưng không quá 01 tỷ đồng.

c) Đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư: thời gian hỗ trợ lãi suất của khoản vay tối đa là 05 năm tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, nhưng không quá 750 triệu đồng.

d) Đối với dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị theo quy định tại khoản 9, Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP thì được áp dụng hỗ trợ lãi

suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm, nhưng tổng số tiền hỗ trợ không quá 500 triệu đồng.

3. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

4. Điều kiện hỗ trợ: dự án đã hoàn thành và đi vào hoạt động theo mục tiêu, quy mô được duyệt.

Điều 3. Hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp

Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP được hỗ trợ 100% số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp từ dự án trong 05 năm đầu và hỗ trợ 50% số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp từ dự án trong 05 năm tiếp theo kể từ khi phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 4. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (dê, ngựa, trâu) tập trung

Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (dê, ngựa, trâu) tập trung tại nông thôn được hỗ trợ như sau:

1. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ 50% chi phí đầu tư nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án để xây dựng kết cấu hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, chuồng nuôi và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi dê từ 300 con trở lên.

b) Dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi ngựa từ 100 con trở lên.

c) Dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi trâu từ 70 con trở lên.

Điều 5. Hỗ trợ trồng hoa, rau

Doanh nghiệp có dự án đầu tư trồng hoa, dự án đầu tư trồng rau tại nông thôn được hỗ trợ như sau:

1. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ 50% chi phí đầu tư nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án để đầu tư xây dựng giao thông, điện, hệ thống cấp, thoát nước; hệ thống nhà lưới, nhà màng, nhà kính và các trang thiết bị đi kèm như tưới nước tiết kiệm, điều chỉnh nhiệt độ... trong hàng rào dự án.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Dự án đầu tư trồng hoa có quy mô diện tích tập trung từ 02 ha trở lên (bao gồm cả diện tích sản xuất trong và ngoài nhà lưới, nhà màng, nhà kính).

b) Dự án đầu tư trồng rau có quy mô diện tích từ 05 ha trở lên (bao gồm cả diện tích sản xuất trong và ngoài nhà lưới, nhà màng, nhà kính).

Điều 6. Hỗ trợ trồng cây dược liệu

Doanh nghiệp có dự án đầu tư trồng các loại cây dược liệu tại nông thôn được hỗ trợ như sau:

1. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 50% chi phí cây giống mùa vụ đầu tiên, nhưng tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án.

b) Hỗ trợ 50% chi phí đầu tư nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án để đầu tư kết cấu hạ tầng về giao thông, điện, hệ thống cấp nước trong hàng rào dự án.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Hỗ trợ chi phí cây giống mùa vụ đầu tiên đối với dự án có quy mô diện tích tập trung từ 05 ha trở lên.

b) Hỗ trợ cả chi phí cây giống mùa vụ đầu tiên và đầu tư kết cấu hạ tầng về giao thông, điện, hệ thống cấp nước trong hàng rào dự án đối với dự án có quy mô diện tích tập trung từ 10 ha trở lên.

c) Cây dược liệu phải nằm trong danh mục quy định ưu tiên và khuyến khích phát triển của Bộ Y tế.

Điều 7. Hỗ trợ cơ sở bảo quản nông sản

Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở bảo quản (sấy, khử trùng, đông lạnh, bảo quản sinh học) các loại: quả tươi (vải, cam, bưởi, nhãn), rau, hoa, giống cây trồng được hỗ trợ như sau:

1. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ 50% chi phí đầu tư nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, nước, xử lý chất thải, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Công suất cơ sở sấy quả tối thiểu đạt 20 tấn sản phẩm/ngày.

b) Bảo quản rau, hoa đạt 100 tấn kho; quả tươi (vải, cam, bưởi, nhãn) đạt 250 tấn kho; bảo quản lưu trữ giống cây trồng đạt công suất 50 tấn kho.

Điều 8. Hỗ trợ cơ sở chế biến nông sản

Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chế biến sản phẩm từ rau, vải, cam, bưởi, nhãn, thịt lợn, thịt gà được hỗ trợ như sau:

1. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ 50% chi phí đầu tư và không quá 03 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Công suất cơ sở chế biến sản phẩm từ rau, củ, quả, cam, bưởi, nhãn đạt tối thiểu 05 tấn sản phẩm/ngày; chế biến sản phẩm từ thịt lợn đạt tối thiểu 07 tấn sản phẩm/ngày; chế biến sản phẩm từ thịt gà đạt tối thiểu 03 tấn sản phẩm/ngày.

b) Giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 1,25 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu.

Điều 9. Cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư

1. Tại nơi có dự án nông nghiệp theo quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP tập trung được từ 10 ha trở lên đối với đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, mặt nước của hộ gia đình, cá nhân để cho doanh nghiệp thuê, thuê lại đất, mặt nước với thời hạn thuê từ 10 năm trở lên để thực hiện dự án nông nghiệp được hỗ trợ những nội dung sau:

a) Hỗ trợ cho UBND cấp xã, cấp thôn 07 triệu đồng/ha để tuyên truyền, vận động để người dân tập trung đất, mặt nước cho doanh nghiệp thuê lại để đầu tư dự án. Số tiền hỗ trợ được sử dụng cho chi phí tuyên truyền, tổ chức các cuộc họp, cho người trực tiếp làm công tác tuyên truyền, vận động, trong đó cấp xã hưởng 30%, cấp thôn hưởng 70%.

b) Hỗ trợ 100% kinh phí cho doanh nghiệp để thực hiện đo đạc, lập hồ sơ để quản lý đối với diện tích đất, mặt nước của hộ gia đình, cá nhân cho thuê lại trước khi bàn giao đất thực hiện dự án.

c) Hộ gia đình, cá nhân cho doanh nghiệp thuê lại đất, mặt nước để thực hiện dự án nông nghiệp ngoài được hưởng tiền thuê đất, thuê mặt nước của doanh nghiệp còn được hỗ trợ bằng tiền tương đương với 100 kg thóc/360 m²/năm theo giá thóc Sở Tài chính thông báo tại thời điểm hỗ trợ. Thời gian hỗ trợ bằng thời gian cho thuê lại đất.

2. Trong chu kỳ thuê đất của doanh nghiệp đầu tư dự án nông nghiệp theo quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, nhà nước không điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất làm ảnh hưởng đến dự án. Trừ trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61, Điều 62 Luật Đất đai và các trường hợp đặc biệt phải điều chỉnh kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 46 Luật Đất đai. Trong trường hợp nhà nước thu hồi đất, hộ gia đình, cá nhân có đất, mặt nước cho doanh nghiệp thuê lại theo quy định tại khoản 1 Điều này được Nhà nước bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật; doanh nghiệp thuê lại đất, mặt nước của hộ gia đình, cá nhân được bồi thường tài sản trên đất, các chi phí đầu tư vào đất và được nhà nước hỗ trợ số tiền thuê đất, mặt nước đã trả tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng đã ký.

Điều 10. Phương thức hỗ trợ

1. Đối với hỗ trợ lãi suất vay thương mại quy định tại Điều 2 Nghị quyết này

a) Hằng năm, ngân sách nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp theo hồ sơ thanh toán thực tế giữa doanh nghiệp với ngân hàng thương mại trên cơ sở hợp đồng tín dụng đã ký.

b) Không thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các khoản vay (gốc và lãi) quá hạn tính từ thời điểm quá hạn.

2. Đối với hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết này: hằng năm, ngân sách nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp trên cơ sở số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp từ dự án.

3. Đối với các nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 4, 5, 6, 7, 8 Nghị quyết này, thực hiện theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 15 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP. Riêng hỗ trợ chi phí cây giống theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết này, ngân sách nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ trực tiếp 01 lần cho doanh nghiệp sau khi có văn bản nghiệm thu.

4. Đối với các nội dung hỗ trợ theo quy định tại khoản 1, Điều 9 Nghị quyết này

a) Đối với nội dung hỗ trợ theo quy định tại điểm a, b khoản 1, Điều 9 Nghị quyết này: Ngân sách nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ trực tiếp 01 lần sau khi hộ gia đình, cá nhân ký hợp đồng cho thuê và UBND cấp xã bàn giao đất cho doanh nghiệp thực hiện dự án;

b) Đối với nội dung hỗ trợ theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 9 Nghị quyết này: hằng năm, ngân sách nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân sau khi hộ gia đình, cá nhân ký hợp đồng cho thuê và UBND cấp xã bàn giao đất cho doanh nghiệp thực hiện dự án.

Điều 11. Trách nhiệm của các đối tượng được hỗ trợ và gián tiếp được hỗ trợ

1. Đối với các doanh nghiệp được hỗ trợ

Thực hiện đúng mục tiêu, quy mô dự án được duyệt. Trường hợp thực hiện không đúng, UBND tỉnh xem xét, quyết định thu hồi kinh phí đã hỗ trợ của nội dung thực hiện không đúng và nộp về ngân sách nhà nước hoặc chuyển hỗ trợ cho dự án khác theo quy định.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân cho doanh nghiệp thuê lại đất, mặt nước: thực hiện đúng về thời hạn cho thuê và các nội dung khác theo hợp đồng đã ký cho doanh nghiệp thuê lại đất, mặt nước.

3. Đối với doanh nghiệp gián tiếp được hỗ trợ (doanh nghiệp thuê lại thuê, thuê lại đất, mặt nước của hộ gia đình, cá nhân): Thực hiện đúng về thời hạn, mục đích sử dụng và trách nhiệm trả lại đất, mặt nước và các nội dung khác theo hợp đồng đã ký.

Điều 12. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách nhà nước cấp tỉnh.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Hải